

Số: 12/2020/QĐST-KDTM

Ninh Kiều, ngày 17 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh, thương mại sơ thẩm thụ lý số: 13/2019/TLST-KDTM ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng XYZ** (Tên gọi cũ: Công ty TNHH MTV Ngân hàng XYZ)

Địa chỉ: Số xx,yy,zz.

Địa chỉ chi nhánh: Số xxx,yyy,zzz.

*Đại diện theo ủy quyền: Ông **DVN** và ông **PHP**

- Bị đơn: **Công ty TNHH YYY**

Địa chỉ: Số xyz, xyz, xyz.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **DVB** – Giám đốc.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **DVB**

2. Bà **TTAN**

Cùng địa chỉ: Số xyz, xyz, xyz.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất thỏa thuận như sau:

- **Về nợ:** Bị đơn Công ty TNHH YYY (Gọi tắt là: Công ty TNHH YYY) có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng XYZ (Tên gọi cũ: Công ty TNHH MTV

Ngân hàng XYZ) – (Gọi tắt là: Ngân hàng) tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2020 là **17.705.762.110 đồng** (Mười bảy tỷ bảy trăm lẻ năm triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn một trăm mười đồng) [Trong đó: nợ gốc: **11.889.000.000 đồng** (Mười một tỷ tám trăm tám mươi chín triệu đồng), nợ lãi trong hạn: **3.499.536.666 đồng** (Ba tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng); nợ lãi quá hạn: **2.317.225.444 đồng** (Hai tỷ ba trăm mười bảy triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng)].

+ Kể từ ngày 01/10/2020 bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

+ Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty TNHH YYY phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- **Về thời gian và phương thức thanh toán:** Các bên thống nhất thỏa thuận được thực hiện sau khi có Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của Tòa án.

- **Về xử lý tài sản thế chấp:** Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm các tài sản theo hợp đồng thế chấp số 03/HĐTC/TS.2011 ngày 22/9/2011 và Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/HĐTC.2013 ngày 20/3/2013 và Hợp đồng thế chấp số: 01/HĐTC.2013 ngày 16/4/2013, Cụ thể:

+ 03 Quyền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận QSD Đất số H00012; số H00013 và số H00014 do UBND huyện Phụng Hiệp cấp cùng ngày 14/01/2005 cho ông ĐVB và bà TTAN.

+ 03 Quyền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận QSD Đất số H00015; số H00016 và số H00017 do UBND huyện Phụng Hiệp cấp cùng ngày 14/01/2005 cho ông ĐVB và bà TTAN.

+ 01 Máy xúc lật bánh lốp theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00015/XMCD biển số 65LA-XXXX, nhãn hiệu: KOMATSU 540, màu: vàng, số động cơ: 6D110-1-10732; số khung: 03A-10320 cấp cho Công ty TNHH YYY đứng tên ngày 29/01/2011.

+ 01 Máy ủi bánh xích theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 0029/XMCD biển số 65XA-XXXX, nhãn hiệu: KOMATSU D318-18, màu: vàng, số động cơ: 6D95L-29912; số khung: D31P18-40038 cấp cho Công ty TNHH YYY đứng tên ngày 08/4/2011.

+ 01 Xe tải theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004128 biển số 65N-XXXX, nhãn hiệu: ASIA, loại xe tải, màu vàng, số máy: D1146800175; số khung: KN34MAP7N1MK000444 cấp cho Công ty TNHH YYY đứng tên ngày 08/9/2010.

+ 03 dây chuyền máy băm gỗ, 03 máy mài lưỡi băm gỗ theo Hợp đồng số 073/10/ALCII-HĐCT ngày 01/11/2020 và dây chuyền máy băm gỗ, máy mài lưỡi dao băm gỗ theo Hợp đồng số:070/10/ALCII-HĐCT ngày 04/10/2010.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC.2011 ngày 09/3/2011 gồm: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số G4-36 HĐCND/380 ngày 18/8/2009; số G4-37 HĐCND/381 ngày 18/8/2009; số G4-38 HĐCND/384 ngày 18/8/2009; số G4-39 HĐCND/382 ngày 18/8/2009; G4-40 HĐCND/383 ngày 18/8/2009.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn phải chịu 62.852.881 đồng (Sáu mươi hai triệu tám trăm năm mươi hai nghìn tám trăm tám mươi một đồng) án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

- Nguyên đơn được nhận lại 61.523.500 đồng (Sáu mươi một triệu năm trăm hai mươi ba nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000903 ngày 06/3/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Về chi phí thẩm định: Bị đơn phải chịu 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí thẩm định tài sản thế chấp. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.500.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhân:***

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi Cục Thi hành án dân sự Q.Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Yến Nhi